Deloitte.

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Thắng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2025)
Bà Phạm Thị Hồng Vân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2025)
Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2025)
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc

Giám đốc Tài chính

Bà Phạm Thị Kim Oanh	Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2025)

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hồng Thắng	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0900986272-C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
H. YÊN MỸ - T. HƯNG YÊN

Phạm Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

Deloitte.

Công ty TNHH Kiểm toán
Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park
Plaza, số 16 Láng Hạ,
Phường Giảng Võ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

Số: 0386/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 10 năm 2025, từ trang 05 đến trang 17, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu và các đơn vị thành viên có liên quan (gọi chung là Tổ chức Deloitte). Deloitte Toàn cầu và mỗi hãng thành viên, các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. Deloitte Toàn cầu và mỗi hãng thành viên và các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của mình, không chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 15 tháng 9 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được soát xét.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

Phạm Nam Phong
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2024-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 10 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**19.253.198.783**	**37.824.478.459**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**4**	**19.058.220.985**	**4.734.120.370**
1.	Tiền	111		19.058.220.985	4.734.120.370
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**34.239.038**	**32.909.877.394**
1.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	-	32.700.000.000
2.	Phải thu ngắn hạn khác	136		34.239.038	209.877.394
III.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**160.738.760**	**180.480.695**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	19.741.935
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		160.738.760	160.738.760
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**2.549.250.000.000**	**2.768.200.000.000**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**19.000.000.000**
1.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	-	19.000.000.000
2.	Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
	- Nguyên giá	*222*		*31.200.000*	*31.200.000*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(31.200.000)*	*(31.200.000)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	*228*		*150.860.000*	*150.860.000*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(150.860.000)*	*(150.860.000)*
II.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5**	**2.549.250.000.000**	**2.749.200.000.000**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		2.549.250.000.000	2.749.200.000.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**2.568.503.198.783**	**2.806.024.478.459**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**213.270.448**	**1.198.970.466**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**213.270.448**	**1.198.970.466**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	286.092.000
2.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	693.548.000
3.	Phải trả ngắn hạn khác	319		26.671.048	19.431.066
4.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		186.599.400	199.899.400
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**2.568.289.928.335**	**2.804.825.507.993**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	6	**2.568.289.928.335**	**2.804.825.507.993**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.550.000.000.000	2.800.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.550.000.000.000*	*2.800.000.000.000*
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.289.928.335	4.825.507.993
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	*421b*		*18.289.928.335*	*4.825.507.993*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		**2.568.503.198.783**	**2.806.024.478.459**

Nguyễn Thị Hồng Thắng	Phạm Thị Kim Oanh	Phạm Thị Hồng Vân
Người lập biểu/Kế toán trưởng	**Giám đốc Tài chính**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01		-	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	10		-	-
4.	Giá vốn hàng bán	11		-	-
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	20		-	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	7	911.465.393.439	447.497.699.558
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		33.345.622	544.544.020
8.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-26)**	30		**911.432.047.817**	**446.953.155.538**
9.	Chi phí khác	32		-	272
10.	**(Lỗ) khác (40=31-32)**	40		-	**(272)**
11.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	50		**911.432.047.817**	**446.953.155.266**
12.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	8	7.713.398	-
13.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	60		**911.424.334.419**	**446.953.155.266**

Nguyễn Thị Hồng Thắng	Phạm Thị Kim Oanh	Phạm Thị Hồng Vân
Người lập biểu/Kế toán trưởng	**Giám đốc Tài chính**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	*Lợi nhuận trước thuế*	*01*	*911.432.047.817*	*446.953.155.266*
2.	*Điều chỉnh cho các khoản:*			
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(911.465.393.439)	(447.497.699.558)
3.	*Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*	*08*	*(33.345.622)*	*(544.544.292)*
	Giảm các khoản phải thu	09	-	81.000.000
	Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(979.640.000)	(1.503.200.998)
	Giảm chi phí trả trước	12	19.741.935	26.400.000
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.713.398)	(478.952.472)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.300.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	*(1.014.257.085)*	*(2.419.297.762)*
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	51.700.000.000	100.000.000.000
2.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(200.000.000.000)
3.	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	199.950.000.000	400.000.000.000
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	911.641.031.795	450.458.521.479
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*1.163.291.031.795*	*750.458.521.479*
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(250.000.000.000)	(300.000.000.000)
2.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(897.952.674.095)	(444.537.146.646)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	*(1.147.952.674.095)*	*(744.537.146.646)*
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**14.324.100.615**	**3.502.077.071**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**4.734.120.370**	**1.008.790.645**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**19.058.220.985**	**4.510.867.716**

Nguyễn Thị Hồng Thắng	Phạm Thị Kim Oanh	Phạm Thị Hồng Vân
Người lập biểu/Kế toán trưởng	**Giám đốc Tài chính**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo tài chính riêng giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0900986272 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2016 và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 10 ngày 09 tháng 9 năm 2025.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, Công ty đã cập nhật địa chỉ trụ sở chính theo thay đổi đơn vị hành chính địa phương, địa chỉ trụ sở mới của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư tài chính.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các Công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Hà Nội	99,9375%	99,9375%	Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch
2	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (*)	Hưng Yên	99,975%	99,975%	Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt
3	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Hưng Yên	100%	100%	Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
4	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Phú Thọ	100%	100%	Chăn nuôi gia cầm

(*) Theo Quyết định số 05/2025/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 5 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát ("PTCN Hòa Phát") đã giảm vốn điều lệ và hoàn trả 200 tỷ VND vốn góp cho các cổ đông của PTCN Hòa Phát theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. PTCN Hòa Phát được Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900272334 điều chỉnh lần thứ 18 ngày 06 tháng 6 năm 2025 với số vốn điều lệ đăng ký là 1.000 tỷ VND.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi, lãi cho vay và lãi từ hoạt động đầu tư

Lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.058.220.985	4.734.120.370
	19.058.220.985	**4.734.120.370**

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
			VND			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	799.500.000.000	-	(i)	799.500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (*)	999.750.000.000	-	(i)	1.199.700.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	400.000.000.000	-	(i)	400.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	350.000.000.000	-	(i)	350.000.000.000	-	(i)
	2.549.250.000.000			**2.749.200.000.000**		

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết.

(*) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát đã giảm vốn điều lệ và hoàn trả 200 tỷ VND vốn góp cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần (xem thêm chi tiết tại Thuyết minh số 01).

Tình hình hoạt động của các công ty con trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ

6. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			
Số dư đầu kỳ	**3.100.000.000.000**	**1.228.773.783**	**3.101.228.773.783**
Lợi nhuận trong kỳ	-	446.953.155.266	446.953.155.266
Giảm vốn trong kỳ	(300.000.000.000)	-	(300.000.000.000)
Chia cổ tức	-	(444.537.146.646)	(444.537.146.646)
Số dư cuối kỳ	**2.800.000.000.000**	**3.644.782.403**	**2.803.644.782.403**
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025			
Số dư đầu kỳ	**2.800.000.000.000**	**4.825.507.993**	**2.804.825.507.993**
Lợi nhuận trong kỳ	-	911.424.334.419	911.424.334.419
Giảm vốn trong kỳ	(250.000.000.000)	-	(250.000.000.000)
Chia cổ tức	-	(897.959.914.077)	(897.959.914.077)
Số dư cuối kỳ	**2.550.000.000.000**	**18.289.928.335**	**2.568.289.928.335**

Vốn điều lệ

Theo Quyết định số 05/2025/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát đã thông qua việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty theo hình thức hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện hoàn trả 250 tỷ VND vốn góp cho các cổ đông của Công ty. Công ty đã được Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900986272 điều chỉnh lần thứ 09 ngày 09 tháng 6 năm 2025 với số vốn điều lệ đăng ký là 2.550 tỷ VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 09 tháng 6 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 2.550.000.000.000 VND tương ứng với 255.000.000 cổ phần, đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	2.549.979.440.000	99,9992%	2.799.977.420.000	99,9992%
Cổ đông khác	20.560.000	0,0008%	22.580.000	0,0008%
	2.550.000.000.000	**100%**	**2.800.000.000.000**	**100%**

Cổ tức

Trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, theo các Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty đã thông qua và tiến hành chi trả cổ tức còn lại năm 2024 và cổ tức năm 2025 cho các cổ đông bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền lần lượt là 421.056.068.187 VND và 476.903.845.890 VND (trong năm 2024, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2024 với số tiền là 598.004.823.906 VND).

7. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	837.553.095	1.153.431.744
Cổ tức, lợi nhuận được chia	910.627.840.344	446.344.267.814
	911.465.393.439	**447.497.699.558**
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 9)	911.460.706.097	447.494.952.746

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	7.713.398	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**7.713.398**	-

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**911.432.047.817**	**446.953.155.266**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:		
Thu nhập không chịu thuế	(910.627.840.344)	(446.344.267.814)
Các khoản điều chỉnh khác	(804.207.473)	(608.887.452)
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Thu nhập chịu thuế suất 20%	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-

9. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Công ty	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Công ty con
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Công ty con

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu hồi cho vay		
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	51.700.000.000	100.000.000.000
	51.700.000.000	**100.000.000.000**
Lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	611.629.530.927	100.000.000.000
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	298.998.309.417	346.344.267.814
	910.627.840.344	**446.344.267.814**
Chi trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	897.952.674.095	444.533.561.670
	897.952.674.095	**444.533.561.670**
Lãi cho vay		
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	832.865.753	1.150.684.932
	832.865.753	**1.150.684.932**
Hoàn trả vốn góp		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	249.997.980.000	299.997.580.000
	249.997.980.000	**299.997.580.000**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	-	32.700.000.000
	-	**32.700.000.000**
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	-	175.638.356
	-	**175.638.356**
Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	-	19.000.000.000
	-	**19.000.000.000**

10. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Chia cổ tức

Theo Quyết định số 07/2025/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025 và số 08/2025/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua quyết định chi trả cổ tức năm 2025 với tổng số tiền là 470.003.789.520 VND và thực hiện thanh toán trong Quý III năm 2025.

Tăng vốn tại các công ty con

Theo Quyết định số 02.1/2025/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 8 năm 2025, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ tại các công ty con trong giai đoạn Quý IV năm 2025 và năm 2026 cụ thể như sau:

- Tăng vốn dự kiến 1.000 tỷ VND tại Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát;
- Tăng vốn dự kiến 50 tỷ VND tại Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ; và
- Tăng vốn dự kiến 210 tỷ VND tại Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát.

Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

Theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu của Công ty. Số lượng cổ phiếu được chào bán dự kiến tối đa là 30 triệu cổ phiếu tương đương với tối đa 300 tỷ VND theo mệnh giá. Thời gian dự kiến chào bán từ Quý III năm 2025 đến Quý II năm 2026.

Nguyễn Thị Hồng Thắng	**Phạm Thị Kim Oanh**	**Phạm Thị Hồng Vân**
Người lập biểu/Kế toán trưởng	**Giám đốc Tài chính**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

CHỨNG NHẬN
SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
NGÀY 30-01-2026
SỐ: 00648 QUYỂN 01 CC/CN - BS

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHƯỚC ĐỨC
S.Đ.K.H.Đ: 70-C.T.
P. CỬA NAM - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đức Trọng

Deloitte.

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Công ty") cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Thắng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2025)
Bà Phạm Thị Hồng Vân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2025)
Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2025)
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 9 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc

Giám đốc Tài chính

Bà Phạm Thị Kim Oanh	Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2025)

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hồng Thắng	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại hiện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0900986272-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
H. YÊN MỸ - T. HƯNG YÊN

Phạm Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

Deloitte.

Công ty TNHH Kiểm toán
Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park
Plaza, số 16 Láng Hạ,
Phường Giảng Võ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

Số: 0803/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con, được lập ngày 03 tháng 10 năm 2025, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu và các đơn vị thành viên có liên quan (gọi chung là Tổ chức Deloitte). Deloitte Toàn cầu và mỗi hãng thành viên, các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. Deloitte Toàn cầu và mỗi hãng thành viên và các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của mình, không chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 26 tháng 3 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được soát xét.

M.S.D.N: 0100112600-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Q. ĐỐNG ĐA - TP HÀ NỘI

Phạm Nam Phong
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2024-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 10 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**2.751.628.082.584**	**2.298.832.190.529**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**4**	**979.952.971.216**	**524.444.966.689**
1.	Tiền	111		102.212.971.216	54.894.966.689
2.	Các khoản tương đương tiền	112		877.740.000.000	469.550.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**5**	**89.300.000.000**	**320.000.000.000**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		89.300.000.000	320.000.000.000
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**172.972.471.077**	**195.930.015.783**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	98.018.100.642	93.698.543.166
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	49.035.658.153	47.123.930.765
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	33	-	30.000.000.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	33.872.575.742	35.545.237.528
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.219.005.121)	(10.545.599.148)
6.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		265.141.661	107.903.472
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**10**	**1.428.571.050.349**	**1.178.176.967.765**
1.	Hàng tồn kho	141		1.428.918.107.154	1.188.164.124.868
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(347.056.805)	(9.987.157.103)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**80.831.589.942**	**80.280.240.292**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	80.326.906.028	79.735.342.539
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		466.290.438	434.072.908
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	38.393.476	110.824.845
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**2.195.555.217.354**	**2.377.398.519.198**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**51.051.271.735**	**61.051.271.735**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	8	51.051.271.735	61.051.271.735
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**1.359.681.680.775**	**1.502.688.821.661**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.345.542.580.236	1.488.090.882.610
	- Nguyên giá	*222*		*4.495.120.448.539*	*4.445.080.960.748*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(3.149.577.868.303)*	*(2.956.990.078.138)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	14.139.100.539	14.597.939.051
	- Nguyên giá	*228*		*19.468.648.539*	*20.365.058.539*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(5.329.548.000)*	*(5.767.119.488)*
III.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**299.566.829.826**	**326.243.686.515**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	299.566.829.826	326.243.686.515
IV.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**485.255.435.018**	**487.414.739.287**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	465.595.509.827	468.985.262.048
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	19.659.925.191	18.429.477.239
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**4.947.183.299.938**	**4.676.230.709.727**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.916.106.606.901**	**1.436.230.385.044**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.896.983.329.075**	**1.417.065.404.635**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	586.392.146.822	219.919.328.305
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.688.895.044	6.171.884.766
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	87.901.225.328	96.003.914.228
4.	Phải trả người lao động	314		20.206.074.347	70.993.949.562
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	61.624.400.879	51.052.072.939
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	18	5.759.262.871	4.993.757.600
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1.096.825.710.743	930.636.098.911
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	32.585.613.041	37.294.398.324
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**19.123.277.826**	**19.164.980.409**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	18	80.000.000	-
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	19.000.000.000	19.000.000.000
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		43.277.826	164.980.409
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**3.031.076.693.037**	**3.240.000.324.683**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**22**	**3.031.076.693.037**	**3.240.000.324.683**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.550.000.000.000	2.800.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.550.000.000.000*	*2.800.000.000.000*
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		459.676.390.580	421.056.068.187
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	*421b*		*459.676.390.580*	*421.056.068.187*
3.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		21.400.302.457	18.944.256.496
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**4.947.183.299.938**	**4.676.230.709.727**

Nguyễn Thị Hồng Thắng	Phạm Thị Kim Oanh	Phạm Thị Hồng Vân
Người lập biểu/Kế toán trưởng	**Giám đốc Tài chính**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**25**	**4.324.991.165.035**	**3.135.290.861.326**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	96.965.947.185	76.291.132.762
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**	**25**	**4.228.025.217.850**	**3.058.999.728.564**
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	3.021.879.167.937	2.494.964.061.176
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**1.206.146.049.913**	**564.035.667.388**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	27.491.466.424	64.190.739.939
7.	Chi phí tài chính	22	29	34.645.643.616	24.319.088.530
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*24.666.366.629*	*20.435.391.177*
8.	Chi phí bán hàng	25	30	97.955.345.571	85.066.343.370
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	77.053.009.932	72.612.057.405
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))**	**30**		**1.023.983.517.218**	**446.228.918.022**
11.	Thu nhập khác	31		1.562.394.044	1.451.673.826
12.	Chi phí khác	32		743.524.314	251.859.373
13.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**818.869.730**	**1.199.814.453**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**1.024.802.386.948**	**447.428.732.475**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	86.907.093.048	40.344.394.713
16.	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.352.150.535)	(919.025.887)
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**939.247.444.435**	**408.003.363.649**
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		936.580.236.470	414.904.984.719
	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.667.207.965	(6.901.621.070)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.501	1.474

Nguyễn Thị Hồng Thắng	Phạm Thị Kim Oanh	Phạm Thị Hồng Vân
Người lập biểu/Kế toán trưởng	**Giám đốc Tài chính**	**Tổng Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***1.024.802.386.948***	***447.428.732.475***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định, phân bổ tiền thuê đất trả trước	02	200.460.640.783	210.324.430.847
	Các khoản dự phòng	03	(9.579.085.025)	325.318.236
	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.907.125.178	15.672.616
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(22.290.643.132)	(62.728.948.527)
	Chi phí lãi vay	06	24.666.366.629	20.435.391.177
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***1.223.966.791.381***	***615.800.596.824***
	Tăng các khoản phải thu	09	(256.379.936)	(79.072.662.730)
	Tăng hàng tồn kho	10	(240.753.982.286)	(44.125.359.263)
	Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	317.772.016.878	54.801.083.070
	Tăng chi phí trả trước	12	(1.618.384.882)	(25.143.258.254)
	Tiền lãi vay đã trả	14	(21.858.410.030)	(18.916.827.059)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(94.710.854.170)	(40.156.918.971)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.900.000.000
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.708.785.283)	(21.359.286.521)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***1.177.832.011.672***	***444.727.367.096***
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.621.030.175)	(85.950.786.853)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.115.012.727	3.240.696.961
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(167.300.000.000)	(493.450.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	428.000.000.000	849.650.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.502.553.318	73.776.228.091
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***259.696.535.870***	***347.266.138.199***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(250.050.000.000)	(300.000.000.000)
2.	Tiền thu từ đi vay	33	1.533.856.446.089	2.201.337.546.844
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.367.666.834.257)	(2.255.822.740.939)
4.	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(898.163.854.871)	(444.562.152.898)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(982.024.243.039)***	***(799.047.346.993)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**455.504.304.503**	**(7.053.841.698)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**524.444.966.689**	**706.016.167.119**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.700.024	389.772
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**979.952.971.216**	**698.962.715.193**

Nguyễn Thị Hồng Thắng	Phạm Thị Kim Oanh	Phạm Thị Hồng Vân
Người lập biểu/Kế toán trưởng	**Giám đốc Tài chính**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0900986272 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2016 và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 10 ngày 09 tháng 9 năm 2025.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, Công ty đã cập nhật địa chỉ trụ sở chính theo thay đổi đơn vị hành chính địa phương, địa chỉ trụ sở mới của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 2.103 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.156).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm; và
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là chăn nuôi, buôn bán nông sản, động vật sống và sản xuất thức ăn cho gia súc, gia cầm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các Công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
	Công ty con trực tiếp				
1	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Hà Nội	99,9375%	99,9375%	Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch
2	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (i)	Hưng Yên	99,975%	99,975%	Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt
3	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Hưng Yên	100%	100%	Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
4	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Phú Thọ	100%	100%	Chăn nuôi gia cầm
	Công ty con gián tiếp				
1	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	Quảng Trị	72,6746%	72,72%	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng	Hưng Yên	99,9375%	100%	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt
3	Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát	Đồng Nai	99,9375%	100%	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt
4	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Đồng Nai	Đồng Nai	99,9375%	100%	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác
5	Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động (ii)	Bắc Ninh	99,975%	100%	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác
6	Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy	Phú Thọ	99,975%	100%	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác
7	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên (iii)	Lào Cai	99,975%	100%	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi khác
8	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	Đồng Nai	99,973%	99,998%	Chăn nuôi heo giống và heo thịt
9	Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy	Hưng Yên	99,975%	100%	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác
10	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
11	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Phú Thọ	Phú Thọ	100%	100%	Sản xuất thức ăn chăn nuôi

(i) Theo Quyết định số 05/2025/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 5 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát ("PTCN Hòa Phát") đã giảm vốn điều lệ và hoàn trả 200 tỷ VND vốn góp cho các cổ đông của PTCN Hoà Phát theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. PTCN Hòa Phát được Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900272334 điều chỉnh lần thứ 18 ngày 06 tháng 6 năm 2025 với số vốn điều lệ đăng ký là 1.000 tỷ VND.

(ii) Trong kỳ, Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động đã hoàn trả 150 tỷ VND vốn điều lệ cho PTCN Hòa Phát theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng Quản trị PTCN Hòa Phát. Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động được Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh) cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2400764194 điều chỉnh lần thứ 6 ngày 10 tháng 6 năm 2025 với số vốn điều lệ đăng ký là 150 tỷ VND.

(iii) Trong kỳ, Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên đã hoàn trả 50 tỷ VND vốn điều lệ cho PTCN Hòa Phát theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng Quản trị PTCN Hòa Phát. Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên được Sở Tài chính tỉnh Yên Bái (nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200823426 điều chỉnh lần thứ 8 ngày 03 tháng 6 năm 2025 với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ VND.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán các khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi của những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Vật nuôi	03 - 04
Tài sản cố định khác	04 - 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận chuyển nhượng hợp pháp được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất lâu dài bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty không trích hao mòn với những quyền sử dụng đất lâu dài.

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 03 đến 06 năm.

Thuê tài sản

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hoạt động được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước;
- Quyền thuê đất và tài sản trên đất;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí hỗ trợ đền bù đất và giải phòng mặt bằng;
- Chi phí gà giai đoạn hậu bị và tiền đẻ;
- Chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng; và
- Các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Quyền thuê đất và tài sản trên đất

Quyền thuê đất và tài sản trên đất là quyền thuê đối với thửa đất tại tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) theo Hợp đồng thuê đất số 49/HĐTĐ giữa Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình - công ty con gián tiếp của Công ty và Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị). Quyền thuê đất và tài sản trên đất được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 26 năm.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Công cụ, dụng cụ xuất dùng là giá trị các công cụ, dụng cụ phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiều kỳ hoạt động và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí hỗ trợ đền bù đất và giải phòng mặt bằng

Chi phí hỗ trợ đền bù đất và giải phòng mặt bằng được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất tương ứng với chi phí hỗ trợ đền bù giải phòng mặt bằng phát sinh.

Chi phí gà giai đoạn hậu bị và tiền đẻ

Chi phí gà giai đoạn hậu bị và tiền đẻ phát sinh bao gồm tiền mua gà giống và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi gà trong các giai đoạn hậu bị và tiền đẻ. Các chi phí này được ghi nhận trong chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ trong thời gian nuôi còn lại của gà giai đoạn đẻ từ 11 đến 12 tháng.

Chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng

Chi phí sửa chữa tài sản bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến sửa chữa, nâng cấp các tài sản cố định của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	2.800.434.119	3.223.179.617
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	99.412.537.097	51.671.787.072
Các khoản tương đương tiền (i)	877.740.000.000	469.550.000.000
	979.952.971.216	**524.444.966.689**

(i) Thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng, với lãi suất từ 2,90%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,20%/năm đến 4,75%/năm).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữa đến ngày đáo hạn - Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	89.300.000.000	89.300.000.000	320.000.000.000	320.000.000.000

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, với lãi suất từ 5,40%%/năm đến 6,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3,30%/năm đến 5,70%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ông Đinh Văn Hùng	3.961.235.000	-
Ông Nguyễn Hữu Tráng	3.275.060.000	-
Ông Nguyễn Đăng Kha	2.692.474.500	312.027.500
Khác	88.089.331.142	93.386.515.666
	98.018.100.642	**93.698.543.166**
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	69.245.000	1.048.328.436

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Australian Cattle Enterprises (NT) Pty Ltd	18.108.090.133	-
Australian Rural Exports Pty Ltd	17.901.979.200	12.899.498.040
Livestock Shipping Services Pty Ltd	756.296.005	22.309.724.805
Khác	12.269.292.815	11.914.707.920
	49.035.658.153	**47.123.930.765**

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Tiền đặt cọc cho Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công (i)	26.400.000.000	26.400.000.000
Ký quỹ, ký cược	4.011.927.187	3.998.423.013
Phải thu lãi tiền gửi	1.007.702.104	3.554.899.106
Khác	2.452.946.451	1.591.915.409
	33.872.575.742	**35.545.237.528**
Trong đó: Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	-	28.630.137
b. Dài hạn		
Tiền đặt cọc cho Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công (i)	48.672.246.735	58.672.246.735
Ký quỹ, ký cược	2.379.025.000	2.379.025.000
	51.051.271.735	**61.051.271.735**

(i) Phản ánh số dư khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công. Khoản tiền đặt cọc này không chịu lãi và sẽ được giảm trừ với tiền thuê gia công hàng tháng trong suốt thời gian của Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công nói trên đến năm 2030.

9. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ				Số đầu kỳ			
				VND				VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Đối tượng nợ
Ông Võ Khắc Thịnh	1.922.770.000	-	1.922.770.000	Trên 3 năm	1.922.770.000	-	1.922.770.000	Trên 3 năm
Ông Nguyễn Văn Khoa	-	-	-	Đã xóa nợ	1.228.440.000	-	1.228.440.000	Trên 3 năm
Khác	6.551.716.999	255.481.878	6.296.235.121		7.761.170.148	366.781.000	7.394.389.148	
	8.474.486.999	**255.481.878**	**8.219.005.121**		**10.912.380.148**	**366.781.000**	**10.545.599.148**	

Trong kỳ, Công ty đã trích lập thêm 261.015.273 VND (6 tháng đầu năm 2024 đã trích lập 591.624.756 VND) với các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán và xóa sổ khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 2.587.609.300 VND cụ thể như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Nguyễn Văn Khoa	1.228.440.000	-
Hợp tác Xã Hà Phong	439.461.000	-
Các khách hàng khác	919.708.300	-
	2.587.609.300	**-**

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		VND		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	36.422.057.611	-	77.093.741.047	-
Nguyên liệu, vật liệu	250.385.995.737	(177.714.069)	310.473.165.726	(177.714.069)
Công cụ, dụng cụ	54.448.348.922	-	51.321.573.145	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.054.169.036.421	(137.603.869)	724.048.124.233	(9.717.188.881)
Thành phẩm	33.482.968.691	(31.738.867)	25.023.832.722	(92.254.153)
Hàng hoá	9.699.772	-	203.687.995	-
	1.428.918.107.154	**(347.056.805)**	**1.188.164.124.868**	**(9.987.157.103)**

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 9.640.100.298 VND (6 tháng đầu năm 2024: Công ty đã hoàn nhập 266.306.520 VND) do thay đổi giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển trong kỳ và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 thay đổi so với giá trị thuần có thể thực hiện được khi tính toán trích lập đầu kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một số hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 133,5 tỷ VND đã được Công ty sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng chi tiết tại Thuyết minh số 20 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 131,8 tỷ VND).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.243.209.294	5.488.704.175
Chi phí gà giai đoạn hậu bị và tiền đẻ phân bổ	67.931.641.244	72.139.183.113
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	464.114.980	153.184.950
Khác	6.687.940.510	1.954.270.301
	80.326.906.028	**79.735.342.539**
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất trả trước	241.444.973.768	243.912.077.984
Quyền thuê đất và tài sản trên đất	69.283.325.610	70.987.530.456
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	16.658.700.634	14.363.234.541
Chi phí hỗ trợ đền bù và giải phóng mặt bằng	58.565.320.012	59.737.500.962
Chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng	9.688.619.937	9.719.402.238
Khác	69.954.569.866	70.265.515.867
	465.595.509.827	**468.985.262.048**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu kỳ	**2.570.030.548.384**	**1.413.716.873.717**	**239.718.330.934**	**8.177.585.619**	**208.025.132.383**	**5.412.489.711**	**4.445.080.960.748**
Tăng trong kỳ	-	2.731.094.377	3.018.113.905	2.072.531.935	-	-	7.821.740.217
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	33.254.796.832	1.237.117.464	974.500.000	-	11.740.711.369	-	47.207.125.665
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.131.360.000)	(3.824.578.091)	-	-	-	(4.955.938.091)
Khác	-	(33.440.000)	-	-	-	-	(33.440.000)
Số dư cuối kỳ	**2.603.285.345.216**	**1.416.520.285.558**	**239.886.366.748**	**10.250.117.554**	**219.765.843.752**	**5.412.489.711**	**4.495.120.448.539**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu kỳ	**1.676.794.248.735**	**1.005.453.688.611**	**176.345.337.450**	**7.406.060.956**	**86.691.549.418**	**4.299.192.968**	**2.956.990.078.138**
Khấu hao trong kỳ	103.196.077.371	57.556.821.547	9.900.139.641	314.056.827	25.676.917.659	153.429.300	196.797.442.345
Thanh lý, nhượng bán	-	(351.634.089)	(3.824.578.091)	-	-	-	(4.176.212.180)
Giảm khác	-	(33.440.000)	-	-	-	-	(33.440.000)
Số dư cuối kỳ	**1.779.990.326.106**	**1.062.625.436.069**	**182.420.899.000**	**7.720.117.783**	**112.368.467.077**	**4.452.622.268**	**3.149.577.868.303**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày đầu kỳ	**893.236.299.649**	**408.263.185.106**	**63.372.993.484**	**771.524.663**	**121.333.582.965**	**1.113.296.743**	**1.488.090.882.610**
Tại ngày cuối kỳ	**823.295.019.110**	**353.894.849.489**	**57.465.467.748**	**2.529.999.771**	**107.397.376.675**	**959.867.443**	**1.345.542.580.236**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.319,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.282,7 tỷ VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 280,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 319,7 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	**12.860.000.000**	**7.505.058.539**	**20.365.058.539**
Xóa sổ	-	(896.410.000)	(896.410.000)
Số dư cuối kỳ	**12.860.000.000**	**6.608.648.539**	**19.468.648.539**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	**-**	**5.767.119.488**	**5.767.119.488**
Khấu hao trong kỳ	-	458.838.512	458.838.512
Xóa sổ	-	(896.410.000)	(896.410.000)
Số dư cuối kỳ	**-**	**5.329.548.000**	**5.329.548.000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	**12.860.000.000**	**1.737.939.051**	**14.597.939.051**
Tại ngày cuối kỳ	**12.860.000.000**	**1.279.100.539**	**14.139.100.539**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 5,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,9 tỷ VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn Long Hà 2	248.379.216.389	242.121.222.126
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	51.187.613.437	84.122.464.389
	299.566.829.826	**326.243.686.515**

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chi phí phải trả	7.736.146.671	7.736.146.671
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lợi nhuận chưa thực hiện đối với giao dịch nội bộ	11.923.778.520	10.693.330.568
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**19.659.925.191**	**18.429.477.239**

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Số đầu kỳ VND Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Australian Rural Exports Pty Ltd	183.637.947.418	-
Livestock Shipping Services Pty Ltd	127.385.319.406	-
Australian Cattle Enterprises (NT) Pty Ltd	69.472.717.394	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Asia Goldman	30.051.762.730	
Louis Dreyfus Company Asia Pte. Ltd.	10.518.338.103	24.618.133.501
Công ty TNHH Cargill Việt Nam	9.557.080.500	11.261.712.000
Công ty TNHH Neo Bright	2.558.923.000	14.425.822.840
Cofco International Singapore Pte. Ltd.	-	11.432.794.950
Khác	153.210.058.271	158.180.865.014
	586.392.146.822	**219.919.328.305**
Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	7.181.909.953	4.955.972.517

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chiết khấu thương mại	32.065.661.891	41.069.897.844
Chi phí lương, thưởng	18.644.699.294	-
Chi phí lãi vay	907.733.633	533.143.795
Chi phí phải trả cho nhà thầu	357.479.133	357.479.133
Các khoản trích trước khác	9.648.826.928	9.091.552.167
	61.624.400.879	**51.052.072.939**
Trong đó: Chi phí phải trả ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	-	48.589.200

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	2.792.899.142	359.532.381
Cổ tức phải trả	12.063.888	54.842.678
Các khoản phải trả theo lương	15.535.274	71.381.546
Khác	2.938.764.567	4.508.000.995
	5.759.262.871	**4.993.757.600**
Trong đó: Phải trả khác ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	368.254.916	185.671.761
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	80.000.000	-
	80.000.000	**-**

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải trả đầu kỳ	Số phải nộp /thu trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải trả cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	81.000	24.771.944	756.944.412	553.640.017	-	227.995.339
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	380.103.400	380.103.400	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	4.196.382.845	4.196.382.845	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	94.129.703.940	86.907.093.048	94.710.854.170	-	86.325.942.818
Thuế thu nhập cá nhân	104.487.909	1.806.587.708	10.527.281.721	10.957.332.203	30.075.861	1.302.125.178
Thuế tài nguyên	-	16.875.996	58.734.253	60.508.256	-	15.101.993
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-		5.013.590	5.013.590	-	-
Các loại thuế, phí khác	6.255.936	25.974.640	678.808.613	676.784.932	8.317.615	30.060.000
	110.824.845	**96.003.914.228**	**103.510.361.882**	**111.540.619.413**	**38.393.476**	**87.901.225.328**

20. VAY

a. Vay ngắn hạn

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 33)	-	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng	930.636.098.911	930.636.098.911	2.563.535.275.570	2.447.345.663.738	1.046.825.710.743	1.046.825.710.743
	930.636.098.911	**930.636.098.911**	**2.613.535.275.570**	**2.447.345.663.738**	**1.096.825.710.743**	**1.096.825.710.743**

20. VAY (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn thể hiện vay ngắn hạn bằng VND chịu lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 3,8%/năm đến 4,3%/năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản vay ngắn hạn được bảo đảm bằng một số khoản hàng tồn kho (Thuyết minh 10), tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12) và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát sở hữu bởi các cá nhân là bên liên quan của Công ty. Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

b. Vay dài hạn

Phản ánh khoản vay không có tài sản đảm bảo từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát - Công ty mẹ của Công ty cho mục đích sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất 5,0%/năm với kỳ đáo hạn cuối cùng vào tháng 3 năm 2027.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi một phần được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Ban lãnh đạo của Công ty và các công ty con và một phần được phân bổ từ Công ty mẹ. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	**37.294.398.324**	**17.948.777.879**
Tăng trong kỳ	-	12.600.000.000
- Trích quỹ	-	*9.700.000.000*
- Nhận quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Tập đoàn Hòa Phát	-	*2.900.000.000*
Giảm trong kỳ	(4.708.785.283)	(21.359.286.521)
- Sử dụng quỹ	*(4.708.785.283)*	*(21.359.286.521)*
Số dư cuối kỳ	**32.585.613.041**	**9.189.491.358**

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Số dư đầu kỳ	**3.100.000.000.000**	**15.000.000.000**	**454.236.079.979**	**24.102.076.191**	**3.593.338.156.170**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	414.904.984.719	(6.901.621.070)	408.003.363.649
Giảm vốn trong kỳ	(300.000.000.000)	-	-	-	(300.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(9.698.933.333)	(1.066.667)	(9.700.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(444.537.146.646)	(25.006.252)	(444.562.152.898)
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	(15.000.000.000)	10.904.375.000	4.095.625.000	-
Số dư cuối kỳ	**2.800.000.000.000**	**-**	**425.809.359.719**	**21.270.007.202**	**3.247.079.366.921**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Số dư đầu kỳ	**2.800.000.000.000**	**-**	**421.056.068.187**	**18.944.256.496**	**3.240.000.324.683**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	936.580.236.470	2.667.207.965	939.247.444.435
Giảm vốn trong kỳ	(250.000.000.000)	-	-	(50.000.000)	(250.050.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(897.959.914.077)	(161.162.004)	(898.121.076.081)
Số dư cuối kỳ	**2.550.000.000.000**	**-**	**459.676.390.580**	**21.400.302.457**	**3.031.076.693.037**

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 09 ngày 09 tháng 6 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 2.550.000.000.000 VND tương ứng với 255.000.000 cổ phần, đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp			
			Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	2.549.979.440.000	99,9992%	2.549.979.440.000	99,9992%	2.799.977.420.000	99,9992%
Cổ đông khác	20.560.000	0,0008%	20.560.000	0,0008%	22.580.000	0,0008%
	2.550.000.000.000	**100%**	**2.550.000.000.000**	**100%**	**2.800.000.000.000**	**100%**

Theo Quyết định số 05/2025/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát đã thông qua việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty theo hình thức hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện hoàn trả 250 tỷ VND vốn góp cho các cổ đông của Công ty. Công ty đã được Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900986272 điều chỉnh lần thứ 09 ngày 09 tháng 6 năm 2025 với số vốn điều lệ đăng ký là 2.550 tỷ VND.

Cổ tức

Trong kỳ, theo các Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty và các công ty con đã thông qua và tiến hành chi trả cổ tức còn lại năm 2024 và tạm ứng cổ tức năm 2025 cho các cổ đông bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tổng số tiền là 898.121.076.081 VND.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ ("USD")	728.631,00	2.736,00

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Công ty có các hợp đồng thuê đất, thuê nhà xưởng và văn phòng với Nhà nước và các công ty khác nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	31.976.000.000	19.212.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	125.040.000.000	68.576.000.000
Trên 5 năm	24.205.000.000	26.895.000.000
	181.221.000.000	**114.683.000.000**

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty có các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

- Chăn nuôi heo;
- Chăn nuôi bò;
- Chăn nuôi gia cầm; và
- Thức ăn chăn nuôi.

Công ty không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Công ty hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về tài sản và các khoản nợ phải trả bộ phận tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:

	Thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi heo	Chăn nuôi bò	Chăn nuôi gia cầm	Loại trừ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	929.369.614.226	2.137.279.150.078	1.524.507.534.282	540.544.128.057	(184.517.126.705)	4.947.183.299.938
Nợ phải trả bộ phận	459.925.620.154	712.745.609.916	706.037.095.756	197.246.998.887	(159.848.717.812)	1.916.106.606.901

Thông tin về tài sản và các khoản nợ phải trả bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi heo	Chăn nuôi bò	Chăn nuôi gia cầm	Loại trừ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	1.168.055.513.588	2.188.103.716.434	1.000.290.483.611	594.760.736.134	(274.979.740.040)	4.676.230.709.727
Nợ phải trả bộ phận	589.057.204.171	680.589.426.663	222.588.412.259	235.695.004.839	(291.699.662.888)	1.436.230.385.044

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và chi phí bộ phận cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:

	Thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi heo	Chăn nuôi bò	Chăn nuôi gia cầm	Loại trừ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	968.698.891.890	1.963.836.967.757	992.182.493.874	303.306.864.329	-	4.228.025.217.850
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	956.767.036.650	-	-	280.340.000	(957.047.376.650)	-
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	**1.925.465.928.540**	**1.963.836.967.757**	**992.182.493.874**	**303.587.204.329**	**(957.047.376.650)**	**4.228.025.217.850**
Kết quả kinh doanh						
Lợi nhuận trước thuế của bộ phận	228.495.838.313	775.489.652.861	41.814.490.461	(15.768.602.125)	(5.228.992.562)	1.024.802.386.948
(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp	(39.051.844.241)	(46.679.709.539)	(1.046.123.287)	-	1.222.734.554	(85.554.942.513)
Lợi nhuận sau thuế	**189.443.994.072**	**728.809.943.322**	**40.768.367.174**	**(15.768.602.125)**	**(4.006.258.008)**	**939.247.444.435**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và chi phí bộ phận cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:

	Thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi heo	Chăn nuôi bò	Chăn nuôi gia cầm	Loại trừ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	858.345.637.604	1.406.744.148.845	464.606.104.415	329.303.837.700	-	3.058.999.728.564
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	858.132.557.278	18.291.620	-	273.380.000	(858.424.228.898)	-
Tổng doanh thu thuần của bộ phận	**1.716.478.194.882**	**1.406.762.440.465**	**464.606.104.415**	**329.577.217.700**	**(858.424.228.898)**	**3.058.999.728.564**
Kết quả kinh doanh						
Lợi nhuận trước thuế của bộ phận	193.794.489.055	268.315.280.853	2.466.107.268	(27.828.619.192)	10.681.474.491	447.428.732.475
(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp	(30.609.612.653)	(9.662.109.573)	(36.345.923)	(72.672.487)	955.371.810	(39.425.368.826)
Lợi nhuận sau thuế	**163.184.876.402**	**258.653.171.280**	**2.429.761.345**	**(27.901.291.679)**	**11.636.846.301**	**408.003.363.649**

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.324.991.165.035	3.135.290.861.326
	4.324.991.165.035	**3.135.290.861.326**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(96.827.221.535)	(75.978.758.725)
Giảm giá hàng bán	(92.890.000)	(67.517.840)
Hàng bán bị trả lại	(45.835.650)	(244.856.197)
	(96.965.947.185)	**(76.291.132.762)**
Tổng doanh thu thuần	**4.228.025.217.850**	**3.058.999.728.564**
Trong đó: Doanh thu thuần từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	931.231.654	693.036.500

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	3.031.519.268.235	2.495.230.367.696
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.640.100.298)	(266.306.520)
	3.021.879.167.937	**2.494.964.061.176**

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.935.791.181.585	2.064.176.397.969
Chi phí nhân công	226.248.856.097	202.210.774.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	200.460.640.783	212.265.655.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.421.090.700	114.133.380.817
Chi phí khác bằng tiền	60.621.069.322	59.796.236.685
	3.549.542.838.487	**2.652.582.445.702**

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.955.356.316	59.658.253.288
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.415.993.577	1.680.915.013
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.120.116.531	2.851.571.638
	27.491.466.424	**64.190.739.939**
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	805.547.944	576.394.521

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	24.666.366.629	20.435.391.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.921.604.791	3.852.744.322
Chi phí tài chính khác	57.672.196	30.953.031
	34.645.643.616	**24.319.088.530**
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 33)	713.821.918	2.171.704.110

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	39.199.682.980	31.047.930.459
Chi phí khấu hao và phân bổ	684.978.483	507.694.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.432.494.953	31.863.578.766
Chi phí bán hàng khác	19.638.189.155	21.647.139.891
	97.955.345.571	**85.066.343.370**
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	40.872.276.999	37.390.569.127
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.297.183.622	2.777.854.183
Phí, lệ phí	192.751.028	267.539.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.690.798.283	32.176.094.486
	77.053.009.932	**72.612.057.405**

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	86.907.093.048	40.344.394.713
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**86.907.093.048**	**40.344.394.713**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất và hưởng các ưu đãi thuế theo quy định trong các giấy Chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	936.580.236.470	414.904.984.719
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(20.646.576.670)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**936.580.236.470**	**394.258.408.049**
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (i)	267.500.000	267.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (ii)	**3.501**	**1.474**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty chưa xác định số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025, do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2025 có thể sẽ thay đổi khi Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

(i) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong 6 tháng năm 2024 được trình bày lại theo số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 sau khi Công ty giảm vốn theo Quyết định số 05/2025/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025:

	Kỳ trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	414.904.984.719	414.904.984.719
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(20.646.576.670)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**405.206.051.386**	**394.258.408.049**
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	295.000.000	267.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (ii)	**1.406**	**1.474**

Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Công ty	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Công ty mẹ
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Châu Đức	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Quản lý Khai thác KCN Hòa Mạc	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thép cán nguội Hòa Phát	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Long Việt	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bảo vệ Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thành phố Mới	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Harmonia	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hòa Phát	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hoà Phát Yên Mỹ	Công ty trong cùng Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	269.770.000	196.670.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Châu Đức	138.019.454	-
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	117.482.000	93.184.000
Công ty TNHH Quản lý Khai thác KCN Hòa Mạc	90.870.000	-
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	77.850.000	79.800.000
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	52.680.000	50.120.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	48.693.200	39.042.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	38.090.000	30.091.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	31.185.000	152.400.000
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	21.222.000	15.795.000
Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát	20.850.000	13.380.000
Công ty TNHH Thép cán nguội Hòa Phát	18.600.000	16.100.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Long Việt	5.920.000	5.824.000
Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bảo vệ Hà Nội	-	360.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	-	270.000
	931.231.654	**693.036.500**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	12.504.340.794	4.332.178.003
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	1.111.361.822	695.425.438
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	561.936.450	-
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	333.635.271	124.210.291
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	290.553.800	389.611.200
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	60.264.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thành phố Mới	-	2.521.731.239
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn	-	7.138.000
Công ty TNHH Harmonia	-	1.611.111
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	-	541.829.000
	14.862.092.137	**8.613.734.282**
Đi vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hoà Phát Yên Mỹ	-	30.000.000.000
	50.000.000.000	**30.000.000.000**
Trả nợ vay		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hoà Phát Yên Mỹ	-	130.000.000.000
	-	**130.000.000.000**
Cho vay		
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam		30.000.000.000
	-	**30.000.000.000**
Thu hồi cho vay		
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	30.000.000.000	-
	30.000.000.000	**-**
Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	491.917.808	-
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	206.136.986	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Container Hòa Phát	107.493.150	-
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	-	576.394.521
	805.547.944	**576.394.521**
Lãi đi vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	713.821.918	1.342.465.754
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Hoà Phát Yên Mỹ	-	829.238.356
	713.821.918	**2.171.704.110**

Thù lao của Hội đồng Quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Bà Phạm Thị Hồng Vân	-	-
Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	-	-
Bà Trần Thị Thu Hiền	-	-
Ban Tổng Giám đốc		
Bà Phạm Thị Hồng Vân	1.555.100.000	1.041.400.000
Kế toán trưởng		
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắng	-	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	15.000.000	16.800.000
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	11.250.000	106.593.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	9.245.000	7.020.000
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	8.000.000	12.320.000
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	7.500.000	7.140.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	7.000.000	8.100.000
Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát	5.250.000	3.360.000
Công ty TNHH Thép cán nguội Hòa Phát	3.000.000	4.200.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Long Việt	2.000.000	840.000
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	1.000.000	1.540.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Châu Đức	-	453.350.436
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hòa Phát	-	427.065.000
	69.245.000	**1.048.328.436**
Phải thu khác ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	-	28.630.137
	-	**28.630.137**
Phải thu về cho vay		
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	-	30.000.000.000
	-	**30.000.000.000**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	7.045.708.637	4.514.470.699
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	64.595.016	159.467.616
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	36.173.000	8.415.600
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên	20.698.800	21.299.700
Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	14.734.500	252.318.902
	7.181.909.953	**4.955.972.517**
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	368.254.916	185.671.761
	368.254.916	**185.671.761**
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	-	48.589.200
	-	**48.589.200**
Vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (i)	50.000.000.000	-
	50.000.000.000	**-**
Vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	19.000.000.000	19.000.000.000
	19.000.000.000	**19.000.000.000**

(i) Phản ánh khoản vay không có tài sản đảm bảo cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khoản vay có lãi suất 4,2%/năm với thời hạn trả tiền vay trong năm 2026.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Chia cổ tức

Theo Quyết định số 07/2025/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025 và số 08/2025/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua quyết định chi trả cổ tức năm 2025 với tổng số tiền là 470.003.789.520 VND và thực hiện thanh toán trong Quý III năm 2025.

Tăng vốn tại các công ty con

Theo Quyết định số 02.1/2025/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 8 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ tại các công ty con trong giai đoạn Quý IV năm 2025 và năm 2026 cụ thể như sau:

- Tăng vốn dự kiến 1.000 tỷ VND tại Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát;
- Tăng vốn dự kiến 50 tỷ VND tại Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ; và
- Tăng vốn dự kiến 210 tỷ VND tại Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát.

Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

Theo Nghị quyết số 13/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu của Công ty. Số lượng cổ phiếu được chào bán dự kiến tối đa là 30 triệu cổ phiếu tương đương với tối đa 300 tỷ VND theo mệnh giá. Thời gian dự kiến chào bán từ Quý III năm 2025 đến Quý II năm 2026.

Nguyễn Thị Hồng Thắng	Phạm Thị Kim Oanh	Phạm Thị Hồng Vân
Người lập biểu/Kế toán trưởng	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

CHỨNG NHẬN
SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
NGÀY 30-01-2026
SỐ: 00650 QUYỂN 01 CC/CN-BS

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHƯỚC ĐỨC
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đức Trọng